

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRỊNH QUỲNH ĐÔNG NGHI

**TÌNH THÁI TRONG CÂU ĐẶC BIỆT,  
CÂU TỈNH LƯỢC VÀ CÂU DƯỚI BẬC**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ học**

**Mã số: 60.22.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Đà Nẵng, Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. BÙI TRỌNG NGOÃN**

Phản biện 1: **PGS.TS. TRƯƠNG THỊ ĐIỂM**

Phản biện 2: **TS. TRƯƠNG THỊ NHÀN**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 12 năm 2013

*Có thể tìm luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngay từ rất sớm, câu được ngôn ngữ học nói chung, ngữ pháp học nói riêng quan tâm nghiên cứu với những hướng tiếp cận khác nhau. Ngữ pháp cổ điển cũng như một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại như cấu trúc luận, ngữ pháp tạo sinh coi câu là đơn vị cấu trúc lớn nhất trong tổ chức ngữ pháp của một ngôn ngữ. Theo đó, câu chủ yếu được xem xét trên bình diện ngữ pháp với các vấn đề như: các thành phần ngữ pháp của câu, các kiểu cấu tạo ngữ pháp của câu và các quan hệ ngữ pháp trong câu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề về câu chưa được giải quyết, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến nghĩa và hoạt động hành chức của câu.

Trong những năm gần đây, khi ngữ pháp chức năng và ngữ dụng học trở thành trọng tâm của ngôn ngữ học hiện đại thì tình thái là một trong những xu hướng nghiên cứu được chú ý. Các kết quả nghiên cứu về tình thái đã mở rộng khái niệm ngữ nghĩa của câu, lí giải cơ chế nảy sinh hàm ý, chạm đến những năng lực giải thích mà ngôn ngữ học cấu trúc còn bỏ sót.

Câu đặc biệt, câu dưới bậc, câu tình lược là các loại câu có sự bất thường về cấu trúc. Cho nên, mặc dù được đề cập trong các công trình về ngữ pháp tiếng Việt từ rất sớm nhưng hiệu quả ngữ nghĩa và giá trị tu từ của chúng vẫn chưa được phân tích, lí giải một cách thuyết phục.

Vì vậy, chúng tôi mong muốn nghiên cứu câu đặc biệt, câu dưới bậc và câu tỉnh lược từ góc độ lí thuyết tình thái, vận dụng các kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học hiện đại để làm sáng tỏ những vấn đề cú pháp mà khuynh hướng cấu trúc luận còn bỏ sót. Luận văn đi từ việc xác lập các yếu tố biểu thị tình thái trong câu làm cơ sở từ đó lí giải nghĩa tình thái và hiệu quả biểu đạt tu từ trong văn bản của ba loại câu nói trên.

Chúng tôi hi vọng kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ đưa ra một cái nhìn xác đáng về bình diện nghĩa tình thái của ba loại câu đặc biệt, câu tỉnh lược, câu dưới bậc từ đó mở ra hướng nghiên cứu ứng dụng của ba loại câu này. Đồng thời, quá trình giải quyết những vấn đề cụ thể về câu đặc biệt, câu dưới bậc và câu tỉnh lược trong luận văn có thể góp thêm ý kiến cho việc biên soạn tài liệu nghiên cứu, cũng như trong việc vận dụng vào công tác giảng dạy của bản thân về những vấn đề có liên quan đến cú pháp tiếng Việt.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu của luận văn là làm rõ bình diện nghĩa tình thái của câu đặc biệt, câu tỉnh lược và câu dưới bậc.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là nghĩa tình thái trong câu đặc biệt, câu dưới bậc và câu tỉnh lược.

Đề tài giới hạn nghiên cứu về các yếu tố biểu thị tình thái và nghĩa tình thái trong câu đặc biệt, câu dưới bậc và câu tỉnh lược dựa trên nguồn ngữ liệu thu thập được.

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học như thống kê, phân tích, miêu tả, quy nạp... kết hợp thủ pháp ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp chức năng như cải biến cú pháp, thay thế, bổ sung, chêm xen...

**5. Bố cục của đề tài:** Ngoài mở đầu, kết luận thì nội dung đề tài được triển khai trong bốn chương:

Chương 1: Những vấn đề lí luận liên quan đến đề tài.

Chương 2: Nghĩa tình thái của câu đặc biệt.

Chương 3: Nghĩa tình thái của câu dưới bậc.

Chương 4: Nghĩa tình thái của câu tỉnh lược.

#### 6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu về câu tiếng Việt của Diệp Quang Ban trong *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 2, Nxb Giáo dục* đã trình bày khá chi tiết về cấu tạo, hướng liên kết cũng như liệt kê các tiểu loại của câu đặc biệt và câu dưới bậc. Tuy nhiên, vì định hướng ngữ pháp cấu trúc nên tác giả nói rất hạn chế về bình diện ngữ nghĩa và hầu như không đề cập đến tình thái của các loại câu này.

Trong *Ngữ pháp Việt Nam – Phần Câu* (2009), Diệp Quang Ban mô tả nhiều hơn về các tiểu loại của câu dưới bậc, câu tỉnh lược và đề cập nhiều hơn về giá trị tu từ của câu tỉnh lược và câu dưới bậc trong văn bản, tuy nhiên cũng không chú trọng nhiều đến tình thái.

Theo Đỗ Thị Kim Liên (2002) trong *Ngữ pháp tiếng Việt*: câu đơn đặc biệt bao gồm các dạng câu đơn có cấu trúc khác với câu đơn bình thường, trong đó không có sự phân biệt câu đặc biệt, câu dưới bậc, câu rút gọn và cũng không đề cập đến các bình diện nghĩa của câu đơn đặc biệt.

V.S. Panfilov (1993) trong *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt* xếp câu đặc biệt vào nhóm câu không thể phân tích theo cấu trúc cú pháp cơ bản.

Ở công trình *Câu trong tiếng Việt* (2003, quyển 1), Cao Xuân Hạo (chủ biên) đã khẳng định “*Câu đặc biệt không phải là câu một phần*”. Tuy không tập trung phân tích tình thái, nhưng tác giả cũng chỉ ra khá cụ thể giá trị biểu hiện của câu đặc biệt và câu một phần trong văn bản.

Cao Xuân Hạo (2004) với công trình *Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng* đã thừa nhận tư cách “câu” của câu đặc biệt và đưa ra những nhìn nhận khái quát về ý nghĩa và giá trị dụng pháp của câu đặc biệt tuy nhiên vẫn chưa đề cập đầy đủ giá trị tình thái của câu đặc biệt.

Công trình *Cú pháp tiếng Việt* (2009) của Nguyễn Văn Hiệp đã bàn luận về vấn đề câu đặc biệt đồng thời đề nghị các cách phân loại mới làm nổi rõ tình thái của câu đặc biệt. Tuy nhiên do công trình của tác giả có phạm vi nghiên cứu rộng nên dung lượng dành cho câu đặc biệt chưa thực sự xứng tầm với khả năng tình thái của nó.

Nguyễn Thị Lương (2009) trong *Câu tiếng Việt* nghiên cứu câu theo định hướng ngữ pháp chức năng. Trong phân loại câu, tác giả có đề cập đến câu đơn đặc biệt với các giá trị tình thái như bộc lộ cảm xúc, đánh giá khen chê, hay bộc lộ sự phủ định – khẳng định...

Có thể thấy rằng, các hiện tượng câu đơn đặc biệt nói chung trong tiếng Việt được nhiều nhà ngôn ngữ học đề cập đến. Tuy nhiên, hầu như, các tác giả mới thể hiện sự quan tâm với câu đặc biệt trên bình diện kết học, trong khi đó, bình diện nghĩa học và dụng học chưa thực sự được chú ý đúng với tầm vóc của nó. Đồng thời, một số

tác giả gần như đánh đồng ba loại câu: câu đặc biệt, câu tỉnh lược, câu dưới bậc vào một loại câu đơn đặc biệt nói chung để lưỡng phân với câu đơn bình thường trong khi trên thực tế, đây là ba loại câu với sự khác biệt rõ rệt về kết học, nghĩa học và dụng học. Cho đến nay, có thể khẳng định chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu vào vấn đề tình thái trong ba loại câu: câu đặc biệt, câu tỉnh lược, và câu dưới bậc. Vì vậy, luận văn hi vọng sẽ đưa ra được cái nhìn tương đối toàn diện và xác đáng về vấn đề ***Tình thái trong câu đặc biệt, câu tỉnh lược và câu dưới bậc.***

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

#### 1.1. NGHĨA SỰ TÌNH VÀ NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU

##### 1.1.1. Nghĩa của câu

Nghĩa của câu là yếu tố không thể thiếu đối với mỗi câu. Khi nói và viết một câu bao giờ người ta cũng có ý muốn biểu hiện được những nội dung ý nghĩa nào đó.

##### 1.1.2. Nghĩa sự tình

Nghĩa sự tình biểu thị mối quan hệ trực tiếp giữa nội dung câu với sự tình của thế giới khách quan được câu đó chỉ ra, nói như Nguyễn Văn Hiệp là “*phản ánh sự tri nhận và kinh nghiệm của chúng ta về thế giới*” [19;tr.36].

Cấu trúc nghĩa sự tình của câu khá phong phú, tựu trung lại có những vai nghĩa phổ biến được tác giả Nguyễn Văn Hiệp tổng hợp (*Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục) như: tác thể, nghiệm thể, tiếp thể, lợi thể, lực tự nhiên, bị thể, công cụ, điểm xuất phát hay nguồn, đích thể...

##### 1.1.3. Nghĩa tình thái

###### a. Khái niệm

Nghĩa tình thái là một bộ phận quan trọng của phát ngôn. Nghĩa tình thái tham gia vào quá trình thực tại hóa, biến nội dung sự tình còn ở dạng tiềm năng thành phát ngôn hiện thực. Nghĩa tình thái cho biết, chẳng hạn, sự tình nêu ra trong phát ngôn là hiện thực hay khả năng, mức độ cam kết của người nói với độ tin cậy của thông tin, đánh giá thái độ, tình cảm của người nói khi phát ngôn. Có thể hiểu nghĩa tình thái là thành phần nghĩa của câu biểu thị thái độ, ý định, mục đích hay quan hệ giữa người nói với người nghe, giữa người nói



với sự tình được phản ánh trong câu, giữa nội dung được phản ánh trong câu với hiện thực khách quan.

### ***b. Tình thái trong logic và tình thái trong ngôn ngữ***

- Tình thái trong logic quan tâm đến tính đúng/sai hay thực cách của mệnh đề được biểu thị trong câu nói.

- Tình thái trong ngôn ngữ thể hiện vai trò của người nói đối với điều được nói ra trong câu, còn gọi là tình thái chủ quan.

### ***c. Khái quát các loại nghĩa tình thái trong ngôn ngữ***

Nghĩa tình thái phong phú, phức tạp vì nó là phần định tính của thông tin miêu tả ở dạng tiềm năng. Trong các cách phân loại hiện nay cần lưu ý quan điểm của các tác giả Nguyễn Văn Hiệp, Bùi Trọng Ngoãn, Nguyễn Thị Lương và quan điểm của sách giáo khoa hiện hành.

### ***d. Các loại nghĩa tình thái***

Chúng tôi thấy rằng quan điểm của Nguyễn Thị Lương phù hợp nhất với phạm vi và đối tượng nghiên cứu của đề tài chúng tôi.

- **Tình thái của hành động nói** : Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói để thông qua đó người nói tác động đến người nghe, làm thay đổi trạng thái vật lí hay tinh thần của người khác. Vì được dùng để thể hiện thái độ, mục đích, ý định của người nói nên hành động nói chính là một loại ý nghĩa của câu – ý nghĩa tình thái.

- **Tình thái liên cá nhân (còn gọi là tình thái quan hệ)** thể hiện thái độ, tình cảm, mối quan hệ giữa người nói với người nghe. Nghĩa tình thái liên cá nhân hướng đến một trong hai đối tượng quan trọng của câu đó là đối tượng tiếp nhận, một trong hai vai giao tiếp. Tình thái liên cá nhân chịu sự chi phối lớn của ngôn cảnh và ngữ cảnh.

- **Tình thái chủ quan** : Tình thái chủ quan thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói đối với sự việc nêu ở trong câu. Đây là loại tình thái phong phú về ý nghĩa, đa dạng về phương tiện biểu hiện như: Tình thái thể hiện thái độ, trạng thái tâm lí, tình cảm, tình thái thể hiện sự đánh giá.

- **Tình thái khách quan** cũng nêu nhận xét, đánh giá về sự việc được phản ánh trong câu nhưng ở góc độ khách quan. Khách quan được hiểu là các tiêu chí được dùng để nhận xét, đánh giá phải dựa vào chính thực tế khách quan và có thể dùng để kiểm tra tính đúng – sai của sự đánh giá. Tình thái khách quan được chúng tôi đề cập đến trong mục này được người phát ngôn bộc lộ thông qua các biểu thức ngôn ngữ, không phải là tình thái khách quan mang tính logic đã được đề cập đến trong mục trước.

Tình thái khách quan được chia ra làm hai loại sau: Tình thái khẳng định, chính xác hơn phải gọi là tình thái khẳng định mang tính khách quan và tình thái phủ định bao gồm phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ.

## **1.2. CÁC DẤU HIỆU BIỂU HIỆN NGHĨA TÌNH THÁI TRONG CÂU**

### **1.2.1. Các phương tiện ngữ âm**

Các phương tiện ngữ âm dùng để biểu thị tình thái trong câu nói thực chất là các hiện tượng ngôn điệu mà người nói chủ tâm dùng trong câu như ngữ điệu, trọng âm, thanh điệu nhằm thể hiện thái độ, tình cảm hoặc đánh giá...

Trong văn bản viết, để nhận biết phương tiện ngữ âm biểu thị tình thái phải gắn với ngôn cảnh, các dấu câu.

### **1.2.2. Các phương tiện từ vựng**

Các phương tiện từ vựng được sử dụng phổ biến và đóng vai trò quan trọng trong việc biểu thị tình thái trong ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt. Chúng tôi đồng nhất với hệ thống các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái, bao gồm 12 nhóm của tác giả Nguyễn Văn Hiệp.

Nhóm 1. Các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ: *đã, sẽ, đang, từng, vừa, mới...*

Nhóm 2. Các vị từ tình thái làm chính tổ trong ngữ động từ: *toan, định, cố, muốn, đành, được, bị, bỏ, hãy, đừng, chớ...*

Nhóm 3. Các vị từ chỉ thái độ mệnh đề trong cấu trúc chỉ thái độ mệnh đề: *tôi e rằng, tôi sợ rằng, tôi hy vọng rằng, tôi nghĩ rằng, tôi thấy rằng,...*

Nhóm 4. Các quán ngữ tình thái: *ai bảo, nói gì thì nói, nó bộ, thảo nào, tội gì, chẳng thành ra, kể ra, làm như thế,...*

Nhóm 5. Các vị từ ngôn hành trong kiểu câu ngôn hành (với những điều kiện về ngôi, về chỉ tổ thời,...) như: *ra lệnh, van, xin, đề nghị, yêu cầu,...*

Nhóm 6. Các thán từ: *ôi, eo ôi, chao ôi, ô,...*

Nhóm 7. Các tiểu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ (idiom) tương đương: *à, ư, nhỉ, nhé, thôi, chứ, đi, mất, thật, cũng nên, lại còn, thì chết,...*

Nhóm 8. Các vị từ đánh giá và tổ hợp có tính đánh giá: *may (là), may một cái (là), đáng buồn (là), đáng mừng (là), đáng tiếc (là),...*

Nhóm 9. Các trợ từ: *đến, những, mỗi, nào, ngay, cả, chính...*

Nhóm 10. Những đại từ nghi vấn được dùng trong những câu phủ định – bác bỏ (*P làm gì?, P thế nào được?*), các liên từ dùng trong các câu hỏi (*Hay P?, Hay là P?*).

Nhóm 11. Các từ ngữ chêm xen biểu thị tình thái: *nó biết cóc gì, mua cha nó cho rồi, hỏi cái đêch gì, biết khỉ gì mà hỏi,...*

Nhóm 12. Kiểu câu điều kiện, giả định: *nếu...thì..., giả...thì...,*

### 1.2.3. Các phương tiện ngữ pháp

Các dấu hiệu về kiểu cấu trúc như: khẳng định, phủ định, cầu khiến, nghi vấn... giúp nhận diện nghĩa tình thái của câu.

## 1.3. CÂU ĐẶC BIỆT, CÂU DƯỚI BẬC, CÂU TỈNH LƯỢC

### 1.3.1. Câu đặc biệt

Câu đặc biệt chỉ có một nòng cốt câu, nòng cốt câu chỉ có một thành phần chính, không phân biệt chủ ngữ, vị ngữ. Câu đặc biệt không thể phân tích theo cấu trúc cú pháp cơ bản như những câu bình thường khác. Căn cứ vào từ loại của thành tố chính trong câu có thể phân thành câu đặc biệt danh từ, câu đặc biệt vị từ và câu đặc biệt thán từ.

### 1.3.2. Câu dưới bậc

Câu dưới bậc (còn gọi là « ngữ trực thuộc » - Cao Xuân Hạo) là bộ phận của một câu được tách ra thành câu riêng. Theo đó, chúng tôi phân loại câu dưới bậc theo chức năng cú pháp của nó trong quan hệ với câu mà nó được tách ra, bao gồm : câu dưới bậc tương đương bổ ngữ, câu dưới bậc tương đương trạng ngữ, câu dưới bậc tương đương đề ngữ và câu dưới bậc tương đương liên ngữ.

### 1.3.3. Câu tỉnh lược

Câu tỉnh lược hay còn gọi là câu chứa bộ phận tỉnh lược là kết quả của hiện tượng tỉnh lược. Tỉnh lược được hiểu là một bộ phận

nào đó lẽ ra phải có mặt trong câu, nhưng vì những lí do nào đó, nó bị lược bỏ đi mà vẫn không làm ảnh hưởng đến việc hiểu nghĩa của câu đang xét. Dựa vào các thành phần chính bị tỉnh lược, có thể chia câu tỉnh lược thành các loại sau: câu tỉnh lược chủ ngữ, câu tỉnh lược vị ngữ, câu tỉnh lược cả chủ ngữ và vị ngữ.

### 1.3.4. Phân biệt ba loại câu

#### a. Phân biệt câu đặc biệt với câu tỉnh lược và câu dưới bậc.

Tiêu chí	Câu đặc biệt	Câu tỉnh lược và câu dưới bậc
Tư cách tồn tại	Là một kiểu câu tồn tại ổn định trong ngôn ngữ	Là biến thể của câu trong giao tiếp
Tính hoàn chỉnh về ngữ pháp	Hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp, không cần hoặc không thể bổ sung vào câu sẵn có một biểu thức ngôn ngữ nào để biến thành câu đơn hai thành phần cùng nghĩa.  (54)- Mẹ ơi ! (+)	Không hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp, có thể khôi phục lại thành phần bị lược bỏ để thành câu hoàn chỉnh với câu tỉnh lược hoặc xóa dấu chấm để chuyển vai trò từ một câu trở thành một thành phần của câu hữu quan đối với câu dưới bậc.  + Câu dưới bậc:  (55)- Mưa ngớt dần. Rồi tạnh hẳn. (+)

	<p>- Tôi gọi mẹ ơi ! (-)</p> <p>- Em bé gọi mẹ ơi! (-)</p>	<p>- Mưa ngớt dần, rồi tạnh hẳn.(+)</p> <p>- Khi nào anh đi Hà Nội?</p> <p>+ Câu tỉnh lược:</p> <p>(56)- Thứ hai tuần sau. (+)</p> <p>- Thứ hai tuần sau tôi đi Hà Nội. (+)</p>
Tính độc lập	Tính độc lập cao, ít lệ thuộc về phương diện ngữ pháp với các câu cùng ngôn cảnh.	Sự tồn tại lệ thuộc chặt chẽ vào các câu trước và sau nó. Nếu tách rời với câu chính thì câu tỉnh lược và câu dưới bậc sẽ trở thành câu sai và không có giá trị tồn tại.

***b. Phân biệt câu dưới bậc và câu tỉnh lược***

Tiêu chí	Câu tỉnh lược	Câu dưới bậc
Nguồn gốc	Là kết quả của sự lược bớt thành phần ngữ pháp nào đó của câu bình thường.	Là kết quả của việc tách một thành phần ngữ pháp của câu trước hoặc câu sau ra thành câu

	<p>(57)Chim sâu hỏi chiếc lá: - Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi! - Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu. (*)</p> <p>(Trần Hoài Dương)</p> <p>Câu (*) đã được lược bớt thành phần chủ ngữ “cuộc đời tôi”.</p>	<p>riêng.</p> <p>(58)Nhưng Thiều lại xoay ra nghề buôn sách. <b>Kèm với cửa hàng thuốc lậu.</b> (Ngô Tất Tố)</p> <p>Câu “Kèm với cửa hàng buôn thuốc lậu” vốn dĩ là thành phần bổ ngữ được tách ra từ câu đi trước nó.</p>
<p>Giá trị ngữ nghĩa</p>	<p>Giá trị ngữ nghĩa tương đương với nội dung một câu bình thường.</p> <p>(59)- Em ăn cơm chưa?</p> <p>{ Rồi ạ. Em ăn cơm rồi ạ.</p>	<p>Giá trị ngữ nghĩa tương đương một từ, cụm từ.</p> <p>(60)Ban đầu ít, thưa thớt. Thoắt cái, bọ ở đâu vụt ào tới, nhảy tung bùng. Lúc sau mới biết là mưa đá. Vườn bắt đầu uớt át. Mưa mạnh. Bọ càng lúc càng nhảy dữ. <b>Đầy cả vườn cỏ.</b>(Võ Phiến)</p>

Tư cách tồn tại	Tồn tại trong mối quan hệ với câu trước và câu sau nó.	Tồn tại phụ thuộc vào câu trước hoặc câu sau nó. Nếu tách rời câu hữu quan, câu dưới bậc sẽ mất đi tư cách câu.
-----------------	--------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Khái niệm, đặc trưng và phân loại của từng loại câu đã được chúng tôi trình bày ở mục trước nên trong phần này chúng tôi chỉ lưỡng phân loại câu từ đó nêu khái quát những điểm khác nhau của từng loại câu. Sự phân biệt trên đây là cơ sở để chúng tôi khảo sát và phân loại ba loại câu nhằm xây dựng hệ thống ngữ liệu.



## CHƯƠNG 2

### NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU ĐẶC BIỆT

#### 2.1. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU ĐẶC BIỆT DANH TỪ

##### 2.1.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu đặc biệt danh từ

- Các phương tiện từ vựng: Các thán từ, các tiểu từ tình thái cuối câu, các trợ từ.

- Các phương tiện ngữ pháp: Câu đặc biệt danh từ thường được nhận diện ở các cấu trúc thức cảm thán, cầu khiến, nghi vấn, nhiều nhất là cấu trúc thức khẳng định.

##### 2.1.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu đặc biệt danh từ

Loại câu này biểu thị các kiểu nghĩa tình thái sau:

- Tình thái của hành động nói: nghi vấn, bộc lộ cảm xúc, xác thực, thực hữu về một sự vật hiện tượng tồn tại tại một thời điểm cụ thể.

- Tình thái chủ quan: các cung bậc trạng thái tâm lí, tình cảm của người phát ngôn được biểu hiện qua các thán từ, sự đánh giá được diễn tả nhờ các trợ từ, tiểu từ tình thái.

#### 2.2. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU ĐẶC BIỆT VỊ TỪ

##### 2.2.1. Các dấu hiệu biểu thị tình thái của câu đặc biệt vị từ

- Các phương tiện từ vựng: Các tiểu từ tình thái cuối câu, các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ, các thán từ.

- Các phương tiện ngữ pháp: cấu trúc thức cảm thán, cầu khiến, nghi vấn, khẳng định.

##### 2.2.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu đặc biệt vị từ

- Tình thái của hành động nói: đề nghị hoặc diễn tả hành động nghi vấn với thái độ hoài nghi hoặc bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp.

- Tình thái chủ quan trong câu đặc biệt vị từ là trạng thái tâm lí, tình cảm hoặc ý kiến chủ quan của người nói về một sự tình được đề cập trước đó và thái độ của chủ thể như hài lòng hay không hài lòng, thán phục, chê bai...

- Tình thái khách quan : với đặc trưng thành tố chính là vị từ nên nghĩa tình thái của câu đặc biệt vị từ thường mang tính phủ định. Nghĩa tình thái phủ định trong loại câu này thường là phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ.

### **2.3. NGHĨA TÌNH THÁI CÂU ĐẶC BIỆT THÁN TỪ**

#### **2.3.1. Các dấu hiệu biểu thị tình thái trong câu đặc biệt thán từ**

- Các phương tiện ngữ âm: Câu đặc biệt thán từ có cùng phương tiện từ vựng và cấu trúc thức khi được phát âm với những nét ngữ điệu khác nhau sẽ biểu thị nghĩa tình thái khác nhau.

- Bản thân thán từ là dấu hiệu tình thái của câu đặc biệt thán từ. Nội dung thái của loại câu này phụ thuộc vào cách lựa chọn và sử dụng thán từ trong từng ngôn cảnh.

- Các phương tiện ngữ pháp: Câu đặc biệt thán từ là sự kết hợp của thán từ với cấu trúc thức cảm thán.

#### **2.3.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu đặc biệt thán từ**

- Tình thái của hành động nói : Câu đặc biệt thán từ biểu thị hành động ngôn ngữ trực tiếp là gọi đáp hoặc biểu hiện cảm xúc.

- Tình thái liên cá nhân: Thái độ kính trọng, thân mật, suông sã, trịch thượng của người nói với người nghe.

- Tình thái chủ quan: Trong các nét nghĩa tình thái chủ quan, câu đặc biệt thán từ chủ yếu tập trung thể hiện thái độ, trạng thái tâm lí, tình cảm của người phát ngôn.

## CHƯƠNG 3

### NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU DƯỚI BẬC

#### 3.1. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU DƯỚI BẬC TƯƠNG ĐƯƠNG BỔ NGỮ

##### 3.1.1. Các dấu hiệu biểu thị tình thái của câu dưới bậc tương đương bổ ngữ

- Các phương tiện từ vựng : các tiểu từ tình thái cuối câu và các trợ từ.

- Các phương tiện ngữ pháp: cấu trúc thức khẳng định, cảm thán và một số trường hợp cấu trúc phủ định.

##### 3.1.3. Phân tích nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương bổ ngữ

Câu dưới bậc bổ ngữ thường biểu thị tình thái chủ quan, bổ sung nghĩa đánh giá cho vị từ và tình thái khách quan khẳng định hoặc phủ định miêu tả, hầu như không biểu thị các nghĩa tình thái khác hoặc biểu thị rất mờ nhạt.

#### 3.2. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU DƯỚI BẬC TƯƠNG ĐƯƠNG TRẠNG NGỮ

##### 3.2.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương trạng ngữ

- Các phương tiện từ vựng chủ yếu xuất hiện là các tiểu từ tình thái cuối câu và các trợ từ.

- Các phương tiện ngữ pháp: hai dạng thức chính là cấu trúc thức khẳng định và phủ định.

##### 3.2.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương trạng ngữ

Nghĩa tình thái trong câu dưới bậc tương đương trạng ngữ hầu như tập trung ở loại nghĩa tình thái khách quan, thể hiện đánh giá, nhận xét về tính khách quan của nội dung sự tình được đề cập đến trong câu đi trước. Tình thái khách quan bao gồm cả tình thái khẳng định và phủ định nhưng chiếm phần lớn là khẳng định.

### **3.3. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU DƯỚI BẬC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐỀ NGỮ**

#### **3.3.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương đề ngữ**

Mặc dù tồn tại với tư cách câu trong văn bản, tuy nhiên đề ngữ vẫn thực hiện chức năng nêu lên sự việc, đối tượng, nội dung cần bàn bạc, hầu như câu dưới bậc đề ngữ được cấu thành từ một từ hoặc một cụm từ đơn thuần, ít bao hàm các phương tiện từ vựng nào ngoài cấu trúc thức.

Câu dưới bậc đề ngữ được tổ chức khá đa dạng về cấu trúc thể hiện tình thái, trong đó cấu trúc thức khẳng định vẫn có tần số xuất hiện cao nhất.

#### **3.3.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương đề ngữ**

Câu dưới bậc tương đương đề ngữ tồn tại trong văn bản với chức năng nêu lên đối tượng, nội dung được bàn bạc trong một hoặc một số câu kế tiếp. Câu dưới bậc đề ngữ trước hết mang giá trị thông báo. Để kết hợp thực hiện chức năng như trên trong văn bản thì nghĩa tình thái chủ yếu là tình thái chủ quan nhấn mạnh, trong một số ít trường hợp có xuất hiện tình thái khách quan hoặc tình thái liên cá nhân tuy nhiên không đáng kể.

### **3.4. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU DƯỚI BẬC ĐƯƠNG ĐƯƠNG LIÊN NGỮ**

### **3.4.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương liên ngữ**

Câu dưới bậc liên ngữ xuất hiện rất ít trong văn bản tuy nhiên lại khá đặc biệt khi chỉ có một hư từ tồn tại độc lập với cấu trúc câu hoàn chỉnh. Tất cả những ngữ liệu chúng tôi khảo sát được để cho thấy câu dưới bậc liên ngữ chỉ có phương tiện ngữ pháp là cấu trúc thức khẳng định biểu thị tình thái.

### **3.4.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu dưới bậc tương đương liên ngữ**

Câu dưới bậc làm liên ngữ cho tổ hợp câu mà nó phụ thuộc về nội dung sự tình, vì lí do đó nên cơ bản nghĩa tình thái mang tính chất phối hợp, bổ sung cho nghĩa xác nhận, hoặc hoang mang, hoài nghi về sự tình nhằm tạo nên nghĩa tổng hợp, hoàn chỉnh của câu. Nghĩa tình thái của câu vì thế không rõ như trong các tiểu loại câu khác.

## CHƯƠNG 4

### NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU TÍNH LƯỢC

#### 4.1. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU TÍNH LƯỢC CHỦ NGỮ

##### 4.1.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu tính lược chủ ngữ

- Các phương tiện từ vựng: các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ, thán từ, tiểu từ tình thái cuối câu, trợ từ.

- Các phương tiện ngữ pháp : đa phần câu tính lược chủ ngữ được tổ chức ở cấu trúc thức khẳng định.

##### 4.1.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu tính lược chủ ngữ

Hai loại nghĩa tình thái liên cá nhân và tình thái chủ quan có sự thể hiện rõ ràng nhất trong câu tính lược chủ ngữ. Tình thái liên cá nhân thường thể hiện sự kính trọng của người ở địa vị xã hội thấp hơn khi nói. Tình thái chủ quan thường là sự đánh giá hoặc xác nhận mang tính khẳng định của người nói.

#### 4.2. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU TÍNH LƯỢC VỊ NGỮ

##### 4.2.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu tính lược vị ngữ

- Các phương tiện từ vựng: các quán ngữ tình thái, thán từ, các tiểu từ tình thái cuối câu và các trợ từ.

- Các phương tiện ngữ pháp: hầu hết được tổ chức ở cấu trúc thức khẳng định, ít xuất hiện cấu trúc thức nghi vấn và cảm thán.

##### 4.2.2. Phân tích nghĩa tình thái của câu tính lược vị ngữ

Nghĩa tình thái của câu tính lược vị ngữ thường tập trung ở hai loại là nghĩa tình thái liên cá nhân và nghĩa tình thái chủ quan thể hiện sự đánh giá sự tình của người nói.

### **4.3. NGHĨA TÌNH THÁI CỦA CÂU TỈNH LƯỢC CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ**

#### **4.3.1. Các dấu hiệu biểu thị nghĩa tình thái của câu tỉnh lược cả chủ ngữ và vị ngữ**

- Các phương tiện từ vựng: các thán từ, tiêu từ tình thái cuối câu, vị từ đánh giá và các trợ từ.

- Các phương tiện ngữ pháp: cấu trúc thức khẳng định và nghi vấn.

#### **4.3.1. Phân tích nghĩa tình thái của câu tỉnh lược cả chủ ngữ và vị ngữ**

Câu tỉnh lược chủ ngữ và vị ngữ là một trong những loại câu ngắn nhưng có khả năng biểu thị nghĩa tình thái khá đa dạng về kiểu loại và phong phú về sắc thái. Các loại nghĩa tình thái liên cá nhân, nghĩa tình thái chủ quan, và nghĩa tình thái khách quan đều xuất hiện trong loại câu này.



## KẾT LUẬN

1. Thực hiện đề tài này, chúng tôi đã rút ra được cho mình những bài học về phương pháp luận và những bài học về thao tác luận. Đối với việc xác định các kiểu câu thì phương pháp phân tích và thao tác cải biến có vai trò quan trọng nhất, nhưng đối với nghĩa tình thái thì phương pháp phân tích và thao tác khái quát hóa, quy nạp là cần thiết.

2. Trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi đã miêu tả và mô hình hóa được ba loại câu và phân biệt chúng theo từng tiêu chí cụ thể. Từ cơ sở này chúng tôi đã phân tích nghĩa tình thái của từng tiểu loại.

2.1. Tổng quan kết quả nghiên cứu cho thấy, các phương tiện ngữ âm và ngữ pháp xuất hiện thường xuyên; tuy nhiên chúng chỉ đóng vai trò quyết định nghĩa tình thái của câu đặc biệt, câu dưới bậc, câu tỉnh lược trong một số trường hợp, còn lại hai nhóm phương tiện này hầu như chỉ hỗ trợ cho phương tiện từ vựng trong việc kiến tạo nghĩa tình thái của câu. Nhóm phương tiện từ vựng có khả năng biểu đạt tình thái hiệu quả nhất, trong đó, mỗi loại phương tiện tồn tại mang tính đặc thù trong từng tiểu loại câu cụ thể. Thiết nghĩ, điều này cũng góp phần thể hiện đặc trưng của tiếng Việt trên nhiều phương diện.

Trong các nhóm phương tiện từ vựng biểu thị tình thái thì các tiểu từ tình thái cuối câu, các trợ từ và các thán từ có tần số xuất hiện nhiều nhất và là dấu hiệu nhận diện nghĩa tình thái rõ nét nhất trong ba loại câu đặc biệt, câu dưới bậc và câu tỉnh lược. Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy ba nhóm phương tiện này có sự xuất hiện trong chín trên mười tiểu loại câu liên quan đến đề tài.

2.2. Về nghĩa tình thái của từng loại câu, chúng tôi nhận thấy :

- Câu đặc biệt chủ yếu biểu thị tình thái của hành động nói và tình thái chủ quan thông qua dấu hiệu nhận diện là ba nhóm phương tiện từ vựng kể trên. Trong đó, câu đặc biệt thán từ có dấu hiệu đặc thù là bản thân thán từ biểu thị đa dạng các kiểu nghĩa của câu. Bên cạnh đó, câu đặc biệt có phương tiện ngữ âm và ngữ pháp góp phần biểu thị nghĩa tình thái rõ nét hơn các loại câu khác.

- Nghĩa tình thái của câu dưới bậc bao gồm hai loại nghĩa là tình thái chủ quan và khách quan được nhận diện thông qua hai nhóm phương tiện từ vựng là tiểu từ tình thái và trợ từ. Trong đó, câu dưới bậc liên ngữ có dấu hiệu đặc thù là cấu trúc thức khẳng định, không bao hàm phương tiện từ vựng nhưng vẫn có giá trị biểu đạt tình thái.

- Các nhóm phương tiện từ vựng xuất hiện phong phú nhất trong câu tình lược, bao gồm tiểu từ tình thái cuối câu, trợ từ, thán từ, vị từ tình thái và quán ngữ tình thái. Câu tình lược biểu thị hiệu quả tình thái liên cá nhân và tình thái chủ quan trong giao tiếp. Đây cũng là loại câu thể hiện sâu sắc đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi bước đầu nhận định rằng nghĩa tình thái có tính chất đặc thù trong ba loại câu tình lược, câu dưới bậc, câu đặc biệt, có thể xem đây là một điều kiện hoặc một cơ sở để nhận diện, phân biệt ba loại câu trong diễn ngôn.

3. Như đã nhận định trong luận văn, quan niệm về ba kiểu câu chưa hẳn đã có sự thống nhất vì vậy có thể mở rộng đề tài theo hướng kết học, nghĩa học và dụng học của ba kiểu câu hoặc kết học, nghĩa học, dụng học của một tiểu loại trong ba loại câu đó. Đề tài này cũng có thể được mở rộng hơn nữa là nghiên cứu nghĩa tình thái của tất cả các kiểu câu trong tiếng Việt.